

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỒNG RỪNG, SẢN XUẤT
KHOANH NUÔI, BẢO VỆ, TRỒNG CÂY ĂN TRÁI
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI
HEO TẠI XÃ EA HLEO, HUYỆN EA HLEO

Địa điểm xây dựng: xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk.

Đắk Lắk, tháng 04 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: **Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Lắk**

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG**

Giấy phép kinh doanh số 6001714664 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/02/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/4/2021.

Địa chỉ trụ sở: số 484/1 đường Trần Phú, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0903.518.018

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ tên: PHAN THỊ LĨNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/6/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân: 240503817

Ngày cấp: 28/02/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ thường trú: số 29 đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện tại: 242 đường Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0903.518.018

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: **Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao.**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Tại khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động		Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Chăn nuôi lợn		0145	0145
2	Trồng rừng sản xuất, quản lý bảo vệ rừng		0210	

- Trồng rừng trên diện tích đất quy hoạch trồng rừng, kết hợp chăn nuôi lợn theo mô hình lâm nông kết hợp.

- Phát triển ngành chăn nuôi lợn là nghề khai thác có hiệu quả những tiềm năng sẵn có tại địa phương, tăng giá trị hàng hoá sản phẩm nông nghiệp, tăng doanh thu cho người lao động, đặc biệt là tăng thu nhập cho người nông dân. Cung cấp cho ngành chăn nuôi nguồn lợn con được nuôi đúng quy trình tiêu chuẩn kỹ thuật với số lượng lớn, chất lượng cao, giá cả hợp lý.

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng với mục tiêu kinh tế cao nhất. Khai thác tiềm năng đất đai. Tăng độ che phủ, hạn chế xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

- Góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh Đắk Lắk trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống, đồi trọc, cải tạo đất, điều tiết nguồn nước trong khu vực, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

3.1. Tổng diện tích đất: 344,11 ha.

Theo báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất rừng khu vực Công ty TNHH DV TM Việt Hoàng thực hiện dự án tại các khoảnh khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, được các Sở, ban ngành chức năng kiểm tra và thẩm định tại biên bản kiểm tra ngày 22/3/2022, kết quả như sau:

Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích điều tra		344,11	100,00%
I	Đất có rừng		26,46	7,69%
1	Rừng tự nhiên		16,60	4,82%
-	<i>Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt</i>	<i>RLK</i>	4,46	1,30%
-	<i>Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng</i>	<i>RLP</i>	12,14	3,53%
2	Rừng trồng		9,86	2,87%
-	<i>Rừng trồng gỗ</i>	<i>RTG</i>	9,86	2,87%
II	Đất chưa có rừng		316,57	92,00%
-	<i>Diện tích có cây nông nghiệp</i>	<i>DNN</i>	200,73	58,33%
-	<i>Diện tích khác</i>	<i>DT1</i>	13,25	3,85%
-	<i>Diện tích có cây gỗ tái sinh</i>	<i>DT2</i>	19,40	5,64%
-	<i>Đất trồng nhưng chưa thành rừng</i>	<i>DTR</i>	83,19	24,18%
III	Đất khác		1,08	0,31%
-	<i>Diện tích có mặt nước</i>	<i>MN</i>	1,08	0,31%

Trong vùng dự án có 26,46 ha đất có rừng. Diện tích rừng này đa số những cây gỗ có đường kính nhỏ, rừng đã bị khai thác kiệt quệ, tán rừng bị phá vỡ, còn sót một số cây to nhưng phẩm chất xấu, đa số cây còn lại là cây cụt ngọn, cong queo, sâu bệnh,.. không có giá trị kinh tế và một bộ phận rừng phát triển trên lập địa đất xấu, tro sỏi đá. Vì vậy Công ty dự kiến sẽ khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng, làm giàu rừng tự nhiên.

3.2. Quy mô dự án:

STT	CÁC HẠNG MỤC	Diện tích (m ²)
I	Khoanh nuôi bảo vệ rừng	264.600
II	Diện tích trồng rừng	1.870.000
III	Trồng cây ăn trái	765.700
IV	Đất khác	10.800
V	Diện tích đất làm đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng	50.000
IV	Trang trại chăn nuôi lợn	480.000
1	Nhà lợn nọc	3.000
2	Nhà pha chế tinh	100
3	Nhà lợn thịt	130.000
4	Nhà lợn nái đẻ	71.000
5	Nhà lợn cai sữa 3,4	71.000
6	Nhà lợn cai sữa 1,2	60.000
7	Nhà lợn mang thai hậu bị	55.000
8	Nhà lợn cách ly số 1	10.000
9	Nhà lợn cách ly số 2	12.000
10	Nhà bảo vệ + nhà vệ sinh	150
11	Hố sát trùng xe	50
12	Nhà để xe	100
13	Trạm câm 40T	150
14	Nhà công nhân số 1	500
15	Nhà ăn, bếp nấu ăn	200
16	Bể nước sinh hoạt 4 m ³	30
17	Nhà kỹ thuật	250
18	Nhà chờ xuất lợn con	2.000
19	Nhà phơi đồ	80
20	Nhà điều hành	300
21	Nhà sát trùng xe	150
22	Nhà để rác	50

23	Nhà nghỉ trưa	150
24	Trạm điện hạ thế	20
25	Nhà đặt máy phát điện	100
26	Kho dụng cụ	200
27	Kho hóa chất	100
28	Kho cám lợn con	150
29	Tháp nước lợn uống 20 m ³	50
30	Bể nước lợn uống 300 m ³	60
31	Tháp xịt nước rửa chuồng 20 m ³	50
32	Bể xịt nước rửa chuồng 300 m ³	60
33	Silo cám	250
34	Bể ngâm rửa đàn	50
35	Nhà xuất lợn	2.000
36	Nhà để phân	150
37	Lò đốt xác	50
38	Hồ hủy xác	50
39	Nhà đặt máy ép phân	100
40	Hồ CT	30
41	Hầm biogas	1.500
42	Hồ chứa nước thải	100
43	Hồ xử lý nước thải theo QCVN	120
44	Hồ nuôi cá	1.000
45	Hồ chứa nước mưa	1.750
46	Đường dẫn lợn có mái che 500	10.800
47	Hạ tầng kỹ thuật, cổng, tường rào, hệ thống cấp thoát nước,...	
48	Giao thông nội bộ	45.000
	Tổng cộng	3.441.100

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư: **145.000.000.000 đồng** (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng) trong đó:

a) Vốn cố định: **140.000.000.000 đồng** (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)

- Đầu tư trồng rừng, trồng cây ăn quả, chăm sóc bảo vệ rừng: 20.000.000.000 đồng

- Đầu tư trại lợn: 110.000.000.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án, tư vấn, chi phí khác,...: 7.000.000.000 đồng

- Chi phí dự phòng: 2.000.000.000 đồng.

- Chi phí khác: 1.000.000.000 đồng.

b) Vốn lưu động : 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng	43.500.000.000		30%		

b) Vốn vay từ các tổ chức tín dụng: 101.500.000.000 VND (tương đương 70% tổng vốn đầu tư dự án).

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được UBND tỉnh cho thuê đất.

6. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng, kể từ ngày có Quyết định chấp thuận nhà đầu tư.

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày: 04 tháng 04 năm 2022)

I. NHÀ ĐẦU TƯ / HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG**

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: **Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao.**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: **Tại khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.**

1.3. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Chăn nuôi lợn	0145	0145
2	Trồng rừng sản xuất, quản lý bảo vệ rừng	0210	

- Trồng rừng trên diện tích đất quy hoạch trồng rừng, kết hợp chăn nuôi lợn theo mô hình lâm nông kết hợp.

- Phát triển ngành chăn nuôi lợn là nghề khai thác có hiệu quả những tiềm năng sẵn có tại địa phương, tăng giá trị hàng hoá sản phẩm nông nghiệp, tăng doanh thu cho người lao động, đặc biệt là tăng thu nhập cho người nông dân. Cung cấp

cho ngành chăn nuôi nguồn lợn con được nuôi đúng quy trình tiêu chuẩn kỹ thuật với số lượng lớn, chất lượng cao, giá cả hợp lý.

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng với mục tiêu kinh tế cao nhất. Khai thác tiềm năng đất đai. Tăng độ che phủ, hạn chế xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

- Góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh Đắk Lắk trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống, đồi trọc, cải tạo đất, điều tiết nguồn nước trong khu vực, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

1.4. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

a/ Tổng diện tích đất: 344,11 ha.

b/ Quy mô dự án:

* Đối với diện tích 26,46 ha đất có rừng: Tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng làm giàu rừng tự nhiên và làm các đường băng cản lửa.

* Đất khác: 1,08 ha sẽ bố trí làm nhà trạm bảo vệ rừng, nhà nghỉ công nhân, sân bãi, khuôn viên.

* Đối với diện tích 316,57 ha đất chưa có rừng diện tích đất này sẽ bố trí trồng lâm nông kết hợp, làm đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng như sau:

- Trồng rừng sản xuất: 187 ha gồm gạo vàng, hương, gõ sao, téch, keo lai.
- Trồng cây ăn trái: 76,57 ha, với các loại cây xoài, mít thái, nhãn, ... (trồng xen rừng theo phương thức lâm nông kết hợp theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Phương án trồng cây trên đất dự án như sau:
 - + Trồng cây mít thái: Trồng lên mô đất 50 - 70 cm, mật độ dày 3,5 m x 3,5 m.
 - + Cây nhãn: Khoảng cách giữa 2 cây 5 – 6m, hàng cách hàng 6m
 - + Cây xoài đài Loan: Có thể trồng theo hình vuông 6 x 6m/cây
 - + Cây gỗ Hương: Khoảng cách giữa các cây từ 5 – 7m, trồng khoảng 1,100 cây/ha.
 - + Cây gỗ Téch: Khoảng cách giữa các cây 3x3m, một ha trồng khoảng 1.100 cây;

+ Cây gõ sao: Trồng khoảng 400 - 500 cây/ha, khoảng cách giữa các cây 4 - 5 m;

+ Cây keo lai: Trồng 1.600 – 2000 cây/ha, mỗi hàng cách nhau 3m, cây cách cây 2m, đào hố có kích thước 40cm x 40cm x 40 cm;

+ Cây gạo vàng: Theo kích cỡ 50x 50x 40 cm mật độ 4m x 6m

- Diện tích đất làm đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng: 05 ha;

- Trại nuôi lợn: 48 ha, quy mô chăn nuôi lợn:

+ 5.000 con lợn nái sinh sản ;

+ 20.000 con lợn cai sữa;

+ 40.000 con lợn thịt

Các hạng mục xây dựng: khu lợn nái sinh sản; khu lợn sữa; khu lợn hậu bị và lợn thịt; khu nhà điều hành; khu xử lý chất thải; hành lang kỹ thuật; đường giao thông nội bộ; Cây xanh bao quanh cách ly; hạ tầng kỹ thuật,...

STT	CÁC HẠNG MỤC	Diện tích (m2)
I	Khoanh nuôi bảo vệ rừng	264.600
II	Diện tích trồng rừng	1.870.000
III	Trồng cây ăn trái	765.700
IV	Đất khác	10.800
V	Diện tích đất làm đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng	50.000
IV	Trang trại chăn nuôi lợn	480.000
1	Nhà lợn nọc	3.000
2	Nhà pha chế tinh	100
3	Nhà lợn thịt	130.000
4	Nhà lợn nái đẻ	71.000
5	Nhà lợn cai sữa 3,4	71.000
6	Nhà lợn cai sữa 1,2	60.000
7	Nhà lợn mang thai hậu bị	55.000
8	Nhà lợn cách ly số 1	10.000
9	Nhà lợn cách ly số 2	12.000

10	Nhà bảo vệ + nhà vệ sinh	150
11	Hố sát trùng xe	50
12	Nhà để xe	100
13	Trạm bơm 40T	150
14	Nhà công nhân số 1	500
15	Nhà ăn, bếp nấu ăn	200
16	Bể nước sinh hoạt 4 m ³	30
17	Nhà kỹ thuật	250
18	Nhà chờ xuất lợn con	2.000
19	Nhà phơi đồ	80
20	Nhà điều hành	300
21	Nhà sát trùng xe	150
22	Nhà để rác	50
23	Nhà nghỉ trưa	150
24	Trạm điện hạ thế	20
25	Nhà đặt máy phát điện	100
26	Kho dụng cụ	200
27	Kho hóa chất	100
28	Kho cám lợn con	150
29	Tháp nước lợn uống 20 m ³	50
30	Bể nước lợn uống 300 m ³	60
31	Tháp xịt nước rửa chuồng 20 m ³	50
32	Bể xịt nước rửa chuồng 300 m ³	60
33	Silo cám	250
34	Bể ngâm rửa đàn	50
35	Nhà xuất lợn	2.000
36	Nhà để phân	150
37	Lò đốt xác	50
38	Hố hủy xác	50

39	Nhà đặt máy ép phân	100
40	Hồ CT	30
41	Hầm biogas	1.500
42	Hồ chứa nước thải	100
43	Hồ xử lý nước thải theo QCVN	120
44	Hồ nuôi cá	1.000
45	Hồ chứa nước mưa	1.750
46	Đường dẫn lợn có mái che 500	10.800
47	Hạ tầng kỹ thuật, công, tường rào, hệ thống cấp thoát nước,...	
48	Giao thông nội bộ	45.000
	Tổng cộng	3.441.100

1.5. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

a/ Tổng vốn đầu tư: **145.000.000.000 đồng** (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng) trong đó:

* Vốn cố định: **140.000.000.000 đồng** (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)

- Đầu tư trồng rừng, trồng cây ăn quả, chăm sóc bảo vệ rừng: 20.000.000.000 đồng

- Đầu tư trại lợn: 110.000.000.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án, tư vấn, chi phí khác,...: 7.000.000.000 đồng

- Chi phí dự phòng: 2.000.000.000 đồng.

- Chi phí khác: 1.000.000.000 đồng.

* Vốn lưu động : 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)

b) Nguồn vốn đầu tư:

* Vốn góp để thực hiện dự án:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

1	Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng	43.500.000.000		30%		
---	------------------------------	----------------	--	-----	--	--

* Vốn vay từ các tổ chức tín dụng: 101.500.000.000 VND (tương đương 70% tổng vốn đầu tư dự án).

1.6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được UBND tỉnh cho thuê đất.

1.7. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng, kể từ ngày có Quyết định chấp thuận nhà đầu tư.

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất

2.1. Địa điểm khu đất:

- Tại khoảnh 1,2,7 Tiểu khu 2 và khoảnh 2,5 Tiểu khu 4, xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk.

- Diện tích đất: 344,11 ha.

2.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất:

Theo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất rừng khu vực Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng thực hiện dự án tại các khoảnh khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo, được các Sở, ban ngành chức năng kiểm tra và thẩm định tại biên bản kiểm tra ngày 22/3/2022, kết quả như sau:

Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích điều tra		344,11	100,00%
I	Đất có rừng		26,46	7,69%
1	Rừng tự nhiên		16,60	4,82%
-	<i>Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt</i>	<i>RLK</i>	<i>4,46</i>	<i>1,30%</i>
-	<i>Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng</i>	<i>RLP</i>	<i>12,14</i>	<i>3,53%</i>
2	Rừng trồng		9,86	2,87%
-	<i>Rừng trồng gỗ</i>	<i>RTG</i>	<i>9,86</i>	<i>2,87%</i>
II	Đất chưa có rừng		316,57	92,00%

-	Diện tích có cây nông nghiệp	DNN	200,73	58,33%
-	Diện tích khác	DT1	13,25	3,85%
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	DT2	19,40	5,64%
-	Đất trồng nhưng chưa thành rừng	DTR	83,19	24,18%
III	Đất khác		1,08	0,31%
-	Diện tích có mặt nước	MN	1,08	0,31%

Trong vùng dự án có 26,46 ha đất có rừng. Diện tích rừng này đa số những cây gỗ có đường kính nhỏ, rừng đã bị khai thác kiệt quệ, tán rừng bị phá vỡ, còn sót một số cây to nhưng phẩm chất xấu, đa số cây còn lại là cây cụt ngọn, cong queo, sâu bệnh,.. không có giá trị kinh tế và một bộ phận rừng phát triển trên lập địa đất xấu, trơ sỏi đá. Vì vậy Công ty dự kiến sẽ khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng, làm giàu rừng tự nhiên.

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất

STT	Cơ cấu đất đai	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ
			(%)
I	Khoanh nuôi bảo vệ rừng	264.600	7,69
II	Đất quy hoạch trồng rừng lâm nông kết hợp	3.165.700	91,99
	Diện tích trồng rừng	1.870.000	
	Trồng cây ăn trái	765.700	
	Đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng	50.000	
	Trang trại chăn nuôi lợn	480.000	
III	Đất khác	10.800	0,32
	Tổng cộng	3.441.100	100,00

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai:

Việc thuê đất để thực hiện dự án **Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao** tại xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo của Công

ty TNHH DVTM Việt Hoàng là phù hợp với quy định của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.

Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng đã được UBND tỉnh, các cơ quan chức năng đồng ý chủ trương tại các văn bản sau:

- Công văn số 1425/UBND-NNMT ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban tỉnh Đắk Lắk về việc đồng ý cho Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng chủ trương khảo sát trên diện tích đất 346,9 ha tại khoảnh 1, 2, 7 Tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 Tiểu khu 4 – Xã Ea H’leo – Huyện Ea H’leo - Tỉnh Đắk Lắk; để đề xuất dự án nông lâm kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao;

- Ngày 22/3/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Ea Hleo và UBND xã Ea Hleo tiến hành điều tra hiện trạng rừng và đất rừng khu vực Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng thực hiện dự án tại các khoảnh khoảnh 1, 2 ,7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4, xã Ea H’leo, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk

Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật:

- Đáp ứng điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư “Vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư; có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng” - Quy định tại khoản 2, điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, cũng như quy định tại điểm a, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư” theo Quy định tại điểm b, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai” theo quy định tại điểm c, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

Đến thời điểm đề xuất dự án đầu tư Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo, Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng chưa vi phạm pháp luật các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai:

Sau khi được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại khoảnh

1,2,7 Tiểu khu 2 và khoảnh 2,5 Tiểu khu 4, xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk, Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Dự kiến thời gian thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất: Quý IV/2022.

2.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

Công ty cam kết ứng kinh phí để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất

- Hiện trạng đất: Đất rừng sản xuất.
- Nguồn gốc đất: Do UBND xã Ea H'leo quản lý.

4. Nhu cầu về lao động

Theo cơ cấu tổ chức dự kiến khoảng: 100 người cụ thể như sau:

STT	Công việc đảm nhiệm	Số lượng	Trình độ
1	Ban lãnh đạo	2	
	Giám đốc	1	Cử nhân trở lên
	Phó giám đốc	1	Cử nhân trở lên
2	Kế toán + văn phòng	2	Cử nhân
3	Kỹ thuật, giám sát	10	Kỹ sư
4	Công nhân trực tiếp	84	Lao động phổ thông
	Tổng cộng	100	

- Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng:

+ Là người chịu trách nhiệm trước pháp luật trong tổ chức thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quy định của pháp luật và luật định hiện hành, bảo toàn và phát triển vốn, triệt để tôn trọng nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước, các nghĩa vụ đối với người lao động.

- Công nhân lao động trực tiếp:

+ Một số nghiệp vụ chuyên môn cần có trình độ năng lực tương ứng như khâu thú y, chăm sóc khi vật nuôi bệnh sẽ tuyển chọn đúng tiêu chuẩn quy định.

+ Trên cơ sở năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc sẽ trả mức lương tương xứng.

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

- Dự án Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại khoảnh 1,2,7 Tiểu khu 2 và khoảnh 2,5 Tiểu khu 4, xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo được thực hiện phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của chung cả nước cũng như quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của vùng Tây Nguyên, theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Nên việc tiêu thụ sản phẩm là rất thuận lợi.

- Dự án đầu tư Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao không đòi hỏi nhiều lao động chuyên môn kỹ thuật cao, mà chủ yếu sử dụng lao động phổ thông là chính, do đó sẽ thu hút được lực lượng lao động nhân rỗi tại địa phương tham gia dự án.

- Với vị trí địa lý và điều kiện thuận lợi của tỉnh Đắk Lắk, hiện nay và trong mục tiêu phát triển chăn nuôi chung của cả nước, khu vực của Dự án sẽ được quy hoạch với tính chất là một trong những khu chăn nuôi có quy mô lớn nhất sẽ trở thành mắt xích quan trọng trong việc thực hiện chính sách của khu vực Tây Nguyên về việc phát triển ngành chăn nuôi có quy mô lớn

- Dự án được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động không chỉ đem lại những lợi ích kinh tế cho địa phương, cho nhà đầu tư; mà còn góp phần nâng cao thu nhập và tay nghề cho người dân tại địa phương. Mở rộng và cải tiến dây chuyền công nghệ sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Dự án góp phần sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, rừng nghèo kiệt, đặc biệt góp phần trong công tác cải tạo rừng nghèo kiệt bằng việc làm giàu rừng tự nhiên, trồng rừng sản xuất lâm nông kết hợp và quản lý bảo vệ rừng.

6. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc thực hiện dự án sẽ ảnh hưởng nhất định đến môi trường xung quanh và khu vực lân cận, tác động trực tiếp đến quá trình sinh hoạt của các hộ dân sinh sống xung quanh, có thể dự báo được những nguồn tác động đến môi trường.

5.1. Xác định các nguồn gây ô nhiễm chủ yếu

Trong quá trình hoạt động của dự án, các yếu tố bụi, khí thải, nước thải, chất rắn sinh hoạt, tiếng ồn và nhiệt độ phát sinh vào môi trường không khí bao gồm từ các nguồn sau:

- Bụi từ quá trình vận chuyển cây giống: Bụi vào phổi sẽ ảnh hưởng đến đường hô hấp. Bụi mịn sẽ gây tổn thương mắt và mũi khi tiếp xúc liên tục, kích thích viêm nhiễm niêm mạc mũi, họng, gây kích thích hóa học và sinh học như dị ứng, nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, do công việc chủ yếu là vận chuyển cây giống và trồng cây nên nguồn phát sinh bụi không tác động lớn đến môi trường xung quanh. Đồng thời, giai đoạn dự án đi vào ổn định, dự án phát triển vườn ươm tại chỗ đảm bảo hạn chế tối đa quá trình vận chuyển.

- Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông vận tải: Khi dự án bắt đầu triển khai và đi vào hoạt động, để đảm bảo cho việc đi lại của những người chăm sóc, trồng cây và lưu thông sản phẩm được thuận lợi, sẽ có nhiều các phương tiện giao thông hoạt động, ra vào khu vực trồng cây để vận chuyển cây giống và trồng cây. Khi hoạt động như vậy, các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng và dầu DO sẽ thải vào môi trường một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm không khí như NO₂, CO, CO₂, CxHy... Từ số lượng xe hoạt động hàng ngày và thành phần khí thải của xe khi hoạt động, có thể ước tính được một cách tương đối tải lượng các chất ô nhiễm không khí thải vào môi trường từ hoạt động giao thông vận tải. Tuy nhiên, bụi và khí thải được phát sinh từ giao thông vận tải này không thường xuyên, chỉ mang tính gián đoạn và không liên tục.

- Tiếng ồn và rung động từ quá trình hoạt động: Tiếng ồn và rung động là những tác nhân gây ô nhiễm khá quan trọng và có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường, trước tiên là sức khỏe công nhân, lao động trực tiếp làm việc tại dự án. Tiếng ồn và rung động được phát sinh từ các nguồn sau:

- Tiếng ồn và rung động do các phương tiện giao thông vận tải, máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,... Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau như: xe vận tải, xe mô tô... Tuy nhiên, do tiếng ồn chỉ mang tính gián đoạn và tiếng ồn không vượt mức cho phép. Tiếng ồn và rung động còn phát sinh từ quá trình va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của

các thiết bị và hiện tượng chảy rối của các dòng không khí, hơi. Tiếng ồn và rung động phát ra từ các máy phát điện dự phòng, quạt gió, máy bón phân, kéo cắt,... Tuy nhiên, tiếng ồn này ít và không vượt mức cho phép.

- Nước thải: Trong quá trình hoạt động của dự án, nước thải phát sinh vào môi trường bao gồm các nguồn sau: Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước chữa cháy, tưới cây, nước thải từ máy điều hòa nhiệt độ, nước vệ sinh,

Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn, rác thải, bụi... trên bề mặt đất. Khi nước mưa chứa chất ô nhiễm thấm vào đất sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đất, hoặc khi nước mưa đổ vào lưu vực sông, kênh rạch gần đó sẽ có khả năng gây ô nhiễm môi trường nước mặt...

Nước thải sinh hoạt là loại nước thải ra sau khi sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt, ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... của công nhân, lao động làm việc tại dự án. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất ô nhiễm vô cơ, hữu cơ và vi sinh gây bệnh, nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Do tính chất và thành phần chất ô nhiễm trong nước thải loại này không đáng lo ngại nên toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và dẫn thoát vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó thoát thẳng vào môi trường tiếp nhận.

5.2. Giải pháp khắc phục

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án được dẫn về bể tự hoại.

- Bố trí đường thoát nước mưa hợp lý tránh đi qua các bãi chứa nguyên vật liệu, hạn chế ô nhiễm và tránh đất bị úng nước. Ảnh hưởng đến cây trồng.

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: Đây là các nguồn thải động nên rất khó quản lý. Chỉ có thể giảm bớt các tác động bằng cách bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại, hạn chế di chuyển nhiều lần ngang qua khu vực dân cư. Điều chỉnh lưu lượng xe cộ ra vào hợp lý, tránh hiện tượng tập trung mật độ các phương tiện ra vào quá cao trong một thời điểm. Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông rất khó quản lý nguồn gây ô nhiễm này. Giảm thiểu tác động đến người dân bằng cách cấm vận chuyển và thi công các công việc có mức ồn cao vào ban đêm (vận chuyển cây giống vào ban đêm...) và giảm tốc độ khi đi qua khu vực dân cư. Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, hệ thống nén khí. Để giảm ồn còn cần phải tiến hành kiểm tra, bảo

duỡng thường xuyên các phương tiện vận tải, các máy móc thiết bị kỹ thuật như máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,...

- Đối với rác sinh hoạt: Đặt các thùng rác nhằm thu gom và tập kết tại một địa điểm cố định. Lượng chất thải này sẽ được thu gom hằng ngày.

- Các chất thải rắn xây dựng, các vật liệu phế bỏ được thu gom thường xuyên và vận chuyển ra khỏi khu vực, tập trung vào các khu xử lý chất thải rắn chung của huyện.

- Y tế, vệ sinh và vệ sinh môi trường: tất cả quy trình từ trồng trọt, thu hái, chế biến, đóng gói phải tuân theo các quy định quốc gia về an toàn, vận chuyển vật liệu và vệ sinh môi trường.

** Phương án tổ chức thực hiện*

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Đảm bảo các hoạt động dân sinh bình thường trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng cũng như giai đoạn trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp; xử lý kịp thời các sự cố môi trường xảy ra; thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và các loại chất thải khác đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường hiện hành.

- Xây dựng phương án và tổ chức giám sát chặt chẽ việc chặt hạ cây trong khu vực Dự án được cấp thẩm quyền giao đất; có biện pháp phối hợp với kiểm lâm và chính quyền địa phương trong việc quản lý đội ngũ công nhân nhằm ngăn chặn các hành vi phá rừng, săn bắt động vật hoang dã trong và xung quanh khu vực thực hiện Dự án và các vùng phụ cận giáp với vùng thực hiện Dự án.

- Tuyệt đối không sử dụng các phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục cấm theo quy định.

Dự án đầu tư đi vào hoạt động sẽ mang lại giá trị rất to lớn về môi trường như: hạn chế tình trạng thiên tai, lũ lụt, chống xói mòn, khắc phục hạn hán, điều hòa nguồn nước, tạo oxy, điều hòa không khí, bảo vệ sức khỏe của con người,... Bên cạnh đó dự án còn khoanh nuôi bảo vệ rừng, làm giàu rừng vì vậy không phải đánh giá tác động môi trường.

Phương án tổ chức thực hiện

Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng, việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường sẽ được giao cho nhà thầu thực hiện. Tuy nhiên Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý và có trách

nhiệm giám sát đôn đốc kiểm tra nhà thầu thực hiện trong suốt quá trình triển khai dự án

Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng chịu trách nhiệm về việc thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về Bảo vệ môi trường và tổ chức bộ phận chuyên trách về môi trường, chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường của Dự án theo đúng quy định của pháp luật, cũng như kiểm soát việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án..

Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng sẽ thuê tư vấn đánh giá tác động môi trường của dự án “Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại khoảnh 1,2,7 Tiểu khu 2 và khoảnh 2,5 Tiểu khu 4, xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo” để đánh giá những yếu tố tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến khu vực thực hiện dự án và khu vực lân cận, để từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm để nâng cao chất lượng môi trường hạn chế những tác động rủi ro cho môi trường và cho chính dự án khi đi vào hoạt động, đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường.

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng được đầu tư xây dựng tại tại khoảnh 1,2,7 Tiểu khu 2 và khoảnh 2,5 Tiểu khu 4, xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn quy định, do vậy dự án trên được hưởng các ưu đãi đầu tư như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm quy định tại Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Miễn thuế nhập khẩu máy móc thiết bị và con giống theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Miễn tiền thuê đất thực hiện dự án theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 04 năm 2022

Nhà đầu tư



GIÁM ĐỐC
Phan Thị Linh

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 6001714664

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 02 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 17 tháng 04 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 484/1 Trần Phú, Phường Thành Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 0903518018

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

100.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: PHAN THỊ LĨNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 12/06/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 240503817

Ngày cấp: 28/02/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ thường trú: Số 29 Hùng Vương, Phường Tự An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 242 Nguyễn Công Trứ, Phường Tự An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN THỊ LĨNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/06/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 240503817

Ngày cấp: 28/02/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ thường trú: Số 29 Hùng Vương, Phường Tự An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 29 Hùng Vương, Phường Tự An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

K. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Nga

**CÔNG TY TNHH DVTM
VIỆT HOÀNG**
Số 01/CNGV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN PHẦN VỐN GÓP
CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 484/1 Đường Trần Phú , Phường Thành Nhất , TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6001714664

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk

Ngày cấp: 17/04/2021

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ (Một trăm tỷ đồng)

CHỨNG NHẬN

Bà: **Phan Thị Linh**

Sinh ngày: 12/06/1970 Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 240503817

Ngày cấp: 18/02/2018 Nơi cấp: Công An tỉnh Đắk Lắk

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 29 Hùng Vương, Phường Tự An , TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện tại: Số 242 Hùng Vương, Phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Phần vốn góp : **100.000.000.000 VNĐ** (Một trăm tỷ đồng chẵn)

Giá trị vốn góp: **100.000.000.000 VNĐ** (Một trăm tỷ đồng chẵn)

Góp vốn bằng: Tiền mặt

Ngày góp đủ vốn: 03/01/2022

Buôn Ma Thuột, ngày 03 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Phan Thị Linh

V/v đề nghị, xem xét cho chủ trương Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại tiểu khu 2, 4 xã Ea H'Leo

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng (ĐC: Số 484/1 Trần Phú, Phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

UBND huyện nhận được Công văn số 01/2021/CV-VH ngày 19/02/2021 của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về đề xuất khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao; Công văn số 273/CV-TTHĐT, ngày 11/6/2021 của Tổ tham mưu, kêu gọi, thu hút đầu tư kinh doanh trên địa bàn huyện Ea H'Leo, giai đoạn 2021-2025 về việc ý kiến đối với đề xuất khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng đề xuất khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, với nội dung cụ thể như sau:

1. Về nội dung đầu tư: Nhà đầu tư đề xuất dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao cơ bản là phù hợp với xu thế, định hướng chung.

2. Về địa điểm đầu tư: Địa điểm đầu tư do nhà đầu tư đề xuất thuộc Khoảnh 01, 02, 07 Tiểu khu 2 và Khoảnh 02, 05 Tiểu khu 4, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'leo; Thuộc diện tích 1.304ha đất lâm nghiệp do Cộng đồng Buôn Dang đang quản lý, bảo vệ, tạm giao cho xã Ea H'leo quản lý, bảo vệ và lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của UBND huyện. Vị trí đất do nhà đầu tư đề xuất tại xã Ea H'Leo đến nay chưa có phương án sử dụng, hiện nay đang đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Về diện tích đề xuất khảo sát: 365,75 ha. Trong đó:

+ Diện tích thu hồi giao khoán bảo vệ rừng: 306,04ha.

+ Diện tích người dân đã và đang sản xuất nông nghiệp và làm nhà ở có nguồn gốc là đất lâm nghiệp nhưng các hộ đã khai hoang, sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp và đất ở từ trước năm 2004 đến nay: 52,7ha.

+ Diện tích xâm canh, xâm chiếm: 07ha (thuộc 226ha đất bố trí tái định canh Hồ chứa nước Ea H'Leo 1, phần diện tích này dự án Hồ chứa nước Ea H'leo 1 đã thực hiện bồi thường xong và không có nhu cầu tái định canh).

- Về hiện trạng sử dụng đất: Trong tổng diện tích 365,75ha có: 2,13ha đất có rừng trồng; 69,83ha đất trồng cây lâu năm; 247,78 đất trồng cây hàng năm; 5,06ha

đất trống; 20,78 đất có cây chồi tái sinh; 1,29ha đất ao hồ; 18,85ha đất năng lượng 0,04ha đất có nhà ở.

3. Về quan điểm của UBND huyện Ea H'Leo: Thống nhất đối với đề xuất khảo sát địa điểm đầu tư dự án của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng. Đề nghị Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng liên hệ với các cấp có thẩm quyền để thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

UBND huyện Ea H'Leo kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, các Sở ban ngành của tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, Các PCT UBND huyện;
- Tổ THĐT huyện;
- Các Phòng: TCKH; KT&HT; NN&PTNT; TN&MT;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hà

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Số: 1172/SKHDT-XTĐT
V/v đề xuất lập dự án đầu tư trong lĩnh
vực nông lâm nghiệp tại huyện Ea
H'leo và huyện Ea Súp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 20 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng
(Đ/c: Số 484/1 Trần Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án đầu tư của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng, cụ thể:

- Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp tại các tiểu khu 180, 181, 194 xã Ia J'Loi, huyện Ea Súp.

- Trồng rừng sản xuất và cây ăn quả tại tiểu khu 2,4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

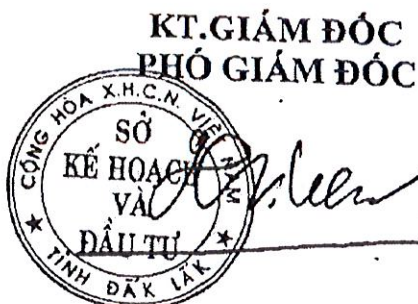
Dự án đầu tư sản xuất nông lâm nghiệp do Quý Công ty đề xuất khảo sát tại vị trí khu đất có hiện trạng là đất lâm nghiệp, do đó đề nghị Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn việc khảo sát lập dự án đầu tư theo quy định tại Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư phúc đáp đề Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng được biết và thực hiện. Nếu có nhu cầu hướng dẫn thêm, Quý Công ty liên hệ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Đắk Lắk – Sở Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: 17 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, điện thoại: 0262.3957691.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở NNPTNT;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu VT, XTĐT (H-VB).



Huỳnh Văn Tiến

Số 86../BC-UBND

Ea H'Leo, ngày 09 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc cho ý kiến với đề xuất của công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

Kính gửi: - Ủy Ban Nhân Dân huyện;
 - Phòng TN&MT huyện;
 - Phòng NN&PTNT huyện;
 - Phòng KT-HT huyện;
 - Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
 - Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng;

Thực hiện Công văn số: 91/TCKH-KHĐT ngày 18/3/2021 của UBND huyện Ea H'Leo V/v xem xét, cho ý kiến đối với đề xuất của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại tiểu khu 02, 04, xã Ea H'Leo;

Sau khi kiểm tra, vị trí đề xuất xin khảo sát của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại tiểu khu 02, 04, xã Ea H'Leo;

UBND xã Ea H'Leo cung cấp thông tin và có ý kiến như sau:

1. Vị trí đề xuất khảo sát:

Vị trí khảo sát thuộc khoảnh 01, 02, 07 tiểu khu 02 và khoảnh 02, 05 tiểu khu 04 thuộc diện tích 1.304 ha đất lâm nghiệp do Cộng đồng Buôn đang xã Ea H'Leo đang quản lý, bảo vệ tạm giao cho UBND xã Ea H'Leo quản lý, bảo vệ và lập phương án sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của UBND huyện; Vị trí này trước đây Công ty cổ phần Phong điện gió Thuận bình đã có chủ trương cho khảo sát và có báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp khu vực đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời tại xã Ea H'Leo huyện Ea H'Leo tỉnh Đắk Lắk.

Trong tổng diện tích: 365,75 ha xin khảo sát thì UBND huyện đã lập phương án sử dụng đất như sau:

- Diện tích thu hồi giao khoán bảo vệ rừng 306,04/419,8 ha.
- Diện tích đất người dân đã và đang sản xuất nông nghiệp và làm nhà ở có nguồn gốc là đất lâm nghiệp nhưng các hộ đã khai hoang, sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp và đất ở từ trước năm 2004 đến nay là 52,7/227 ha phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới của xã Ea H'Leo, giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020 được phê duyệt tại quyết định số: 1162/QĐ-UBND ngày 07/6/2013 của UBND huyện Ea H'Leo.

- Diện tích người dân đang xâm canh, xâm chiếm là 7 ha thuộc 226 ha đất bố trí tái định canh hồ chứa nước Ea H'Leo 1 (phần diện tích này dự án hồ Ea H'Leo 1 đã thực hiện bồi thường xong và không có nhu cầu tái định canh).

2. Hiện trạng sử dụng đất:

Tổng diện tích 365,75 ha.

- Đất có rừng trồng: 2,13 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 69,83 ha (chủ yếu là cây cao su, điều, tiêu).
- Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: 247,78 ha.
- Đất trống: 5,06 ha.
- Đất có cây chồi tái sinh: 20,78 ha.
- Đất mặt nước, ao hồ: 1,29 ha.
- Đất năng lượng: 18,85 ha.
- Đất có nhà ở: 0,04 ha.

(Số liệu báo cáo theo kết quả phúc tra hiện trạng ngày 25/5/2018)

3. Kiến nghị đề xuất:

Đề nghị Công ty thực hiện khảo sát, đánh giá về địa điểm, vị trí đầu tư; cần đánh giá cụ thể, chính xác về những thuận lợi khó khăn và không làm ảnh hưởng đến tài sản, tình hình sản xuất của người dân.

Trên đây là báo cáo của UBND xã Ea H'Leo về việc xem xét, cho ý kiến đối với đề xuất của Công ty TNHH DV TM Việt Hoàng về khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại tiểu khu 02, 04, xã Ea H'Leo. Kính trình UBND huyện Ea H'Leo và các phòng ban chuyên môn của huyện xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Lưu VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Trần Văn Thắng

Ký bởi: Ủy ban nhân dân xã Ea H'Leo
Cơ quan: Huyện Ea H'Leo, Tỉnh Đắk Lắk
Ngày ký: 12-04-2021 16:07:53 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5515 /UBND-TH

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 6 năm 2021

V/v tham mưu xử lý các nội
dung liên quan đến đầu tư
dự án trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Xử lý các Văn bản (gửi kèm theo):

1. Văn bản ngày 07/6/2021 của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ An Thiên Lý về việc đầu tư dự án Khu đô thị Mới Thiên Lý – Buôn Mê tại xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột (UBND tỉnh nhận ngày 16/6/2021);

2. Công văn số 1082/UBND-THĐT ngày 15/6/2021 của UBND huyện Ea H'leo về việc đề nghị, xem xét cho chủ trương Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại tiểu khu 2, 4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo.

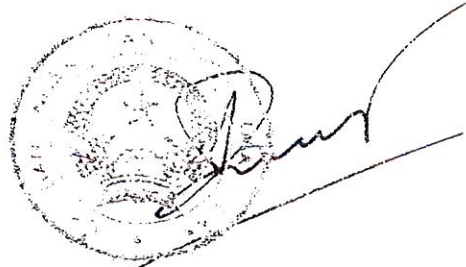
Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, giải quyết nội dung đề nghị của các đơn vị tại các văn bản trên theo đúng quy định; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nhận được Công văn này, Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, XD;
- UBND: Huyện Ea H'leo và TP. BMT;
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ An Thiên Lý (Đ/c: Số 220 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Ông Lãnh, Q. 1, TP. HCM);
- Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng (Đ/c: Số 242 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, TP. BMT);
- Phòng: NN&MT, CN;
- Lưu: VT, TH (ĐUC-5b).

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Bùi Hồng Quý

THÔNG BÁO

**Về việc Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về khảo sát địa điểm đầu tư dự án
Nông Lâm Nghiệp công nghệ cao tại tiểu khu 2,4 xã Ea H'Leo**

Kính gửi: - Ban tự quản thôn 1, thôn 2a
- Các hộ dân có đất tại tiểu khu 02+04 (Cộng đồng
buôn Dang giao trả về địa phương).

Thực hiện Công văn số: 91/TCKH-KHĐT, ngày 18/3/2021 của phòng Tài Chính Kế Hoạch V/v khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao, tại tiểu khu 02, 04 xã Ea H'Leo (vị trí 367,5 ha trước đây công ty năng lượng Phong Điện gió Thuận Bình đã khảo sát).

Để đảm bảo cho việc khảo sát quỹ đất, chất đất tại khu vực nói trên có khả năng để Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng đầu tư dự án Nông Lâm Nghiệp công nghệ cao hay không?

UBND xã Ea H'Leo thông báo đến Ban tự quản thôn 1, thôn 2a và các hộ đang canh tác nông nghiệp tại quỹ đất 365,7 ha tại tiểu khu 02+04 với nội dung như sau:

- Chủ động phối hợp, liên hệ với Ban tự quản thôn 1, thôn 2a nơi có đất hoặc UBND xã Ea H'Leo thông qua Công chức Địa chính xã để đoàn kiểm tra khảo sát làm việc.

- UBND xã khuyến cáo nhân dân; Hiện nay Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng chỉ đang thực hiện khảo sát để đánh giá xem xét đầu tư dự án; yêu cầu các hộ dân có liên quan, canh tác bình thường, chăm sóc tốt các cây trồng hiện có, giữ nguyên công trình vật kiến trúc trên đất.

- Giao cho Đ/c Rchăm Y Le phó CT –UBND xã tham gia chỉ đạo Đ/c Trình Công Bình công chức Địa chính xã, phối hợp với các phòng ban của huyện và đơn vị xin khảo sát, tổ chức triển khai thực hiện việc khảo sát đúng quy định pháp luật. Quá trình thực hiện khảo sát không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và tài sản của nhân dân.

Trên đây là thông báo chủ trương khảo sát đầu tư của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng. UBND xã Ea H'Leo đề nghị ban tự quản thôn 1, thôn 2a và người dân có đất tại quỹ đất nêu trên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy;
 - HĐND;
 - CT, PCT;
 - C/C Địa Chính;
 - MTTQ và các Đoàn Thể;
 - Ban Tự Quản Thôn 1, 2a;
 - Cá nhân/tổ chức sử dụng đất;
 - Lưu VP.
- } (Thay Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân xã Ea H'Leo
Cơ quan: Huyện Ea H'Leo, Tỉnh Đắk Lắk
Ngày ký: 07/7/2021 08:54:37 +07:00
Mai Văn Phăng

Số:2098 /SNN-CCKL
V/v đề xuất lập dự án đầu tư của
Công ty TNHH DVTM Việt
Hoàng

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng
(Số 484/1 Trần Phú, phường Thành Nhất, thành phố
Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được các văn bản: Công văn số 5515/UBND-TH ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh về việc tham mưu xử lý các nội dung liên quan đến đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1172/SKHĐT-XTĐT ngày 20/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề xuất lập dự án đầu tư trong lĩnh vực nông lâm nghiệp tại huyện Ea H'leo và huyện Ea Súp; Công văn số 5555/CV-VH ngày 15/5/2021 của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về việc xin khảo sát; Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng tại các tiểu khu 180, 181, 194 xã Ia J'loi, huyện Ea Súp, tiểu khu 2, 4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo.

Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng làm việc với UBND huyện Ea Súp, UBND xã Ia J'loi; UBND huyện Ea H'leo, UBND xã Ea H'leo để kiểm tra, rà soát xác định cụ thể vị trí, diện tích quỹ đất (có sơ đồ khu vực) và có ý kiến bằng văn bản thỏa thuận, thống nhất về vị trí, quỹ đất được xác định của UBND huyện Ea Súp, UBND xã Ia J'loi; UBND huyện Ea H'leo, UBND xã Ea H'leo. Quy mô diện tích phải phù hợp với khả năng, năng lực tài chính đầu tư của doanh nghiệp.

Lưu ý, vị trí quỹ đất thỏa thuận không được trùng lặp, chồng lấn với diện tích các dự án khác; phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và không thuộc đất quy hoạch cho quốc phòng. Trường hợp, nếu quỹ đất đã thỏa thuận, thống nhất có liên quan đến diện tích đất bị người dân xâm canh, lấn chiếm, doanh nghiệp phải làm việc với UBND huyện để dự kiến phương án hỗ trợ, giải tỏa thu hồi đất theo đúng quy định.

Đề nghị Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng cung cấp các hồ sơ pháp lý về năng lực tài chính (bản sao công chứng) đảm bảo để đầu tư thực hiện dự án: Báo cáo tài chính; giấy xác nhận về chấp hành đầy đủ nghĩa vụ Thuế tại địa phương của cơ quan thuế; giấy xác nhận của Ngân hàng về tiền gửi hoặc các giấy tờ liên quan khác về xác nhận tài chính của công ty,... và chứng minh năng

lực chuyên môn, kinh nghiệm của doanh nghiệp trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

2. Sau khi hoàn thành các hồ sơ, thủ tục nêu trên Công ty TNHH DV TM Việt Hoàng gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND các huyện: Ea Súp, Ea H'leo;
- UBND các xã: Ia J'loi, Ea H'leo;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, (Tuyết09bản).



**ĐẢNG BỘ HUYỆN EA H'LEO
ĐẢNG ỦY XÃ EA H'LEO**

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Ea H'Leo, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Số: 104 /CV/ĐU

V/v thống nhất cho chủ trương, đề xuất dự án đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo tại Tiểu khu 2, 4 của Công ty TNHH DV TM Việt Hoàng

Kính gửi: - UBND Xã Ea H'Leo

Ngày 20/10/2021 Đảng ủy xã nhận được Công văn số 853/CV-UBND về việc xin ý kiến Đảng ủy thống nhất cho chủ trương về việc xem xét, đề xuất dự án đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo tại Tiểu khu 2, 4 của Công ty TNHH DV TM Việt Hoàng.

Sau khi xem xét các nội dung đề nghị, Đảng ủy xã thống nhất đề xuất theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư để lập dự án đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo tại Tiểu khu 2, 4 của Công ty TNHH DV TM Việt Hoàng thuộc thôn 2a, xã Ea H'Leo. Tuy nhiên việc lập dự án đầu tư phải phù hợp Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo An ninh nông thôn tại địa phương và quyền lợi của người dân đang có đất sản xuất tại nơi khảo sát.

Giao UBND xã tổ chức thực hiện theo đúng thủ tục, trình tự quy định. Trực tiếp giám sát và có báo cáo kết quả cho Đảng ủy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**T/M ĐẢNG ỦY XÃ
BÍ THƯ**



Adương Y Khuyên

TỜ TRÌNH

“V/v Xin bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk”

**Kính gửi: - UBND huyện Ea H’Leo
 - Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường huyện Ea H’Leo**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai”;

Căn cứ Quyết định số 1423/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNN “Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2019”;

Căn cứ Quyết định số 526/2020/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk “Phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có đến ngày 31/12/2019”;

Căn cứ Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Ea H’Leo;

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất để quy hoạch phát triển dự án trên diện tích lập Dự án đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng tại tiểu khu 2,4 xã Ea H’Leo, huyện Ea H’Leo, Tỉnh Đắk Lắk do đó Công ty đề xuất bổ sung một số quy hoạch như sau:

Tổng diện tích quy hoạch cho dự án: 365,75 Ha trong đó:

Diện tích quy hoạch phát triển lâm nông kết hợp (đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, trồng cây hoa màu, làm đường rừng cảnh lửa và cơ sở hạ tầng ... theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ): 317,75 Ha, bao gồm một phần khoảnh 1,2,6,7 tiểu khu 2; một phần khoảnh 2, 5 tiểu khu 4. Cụ thể với các mốc tọa độ VN2000 như sau:

M1: X: 458016 - Y: 1483468 M2: X: 459427 - Y: 1482888

M3: X: 460132 - Y: 1481867 M4: X: 460256 - Y: 1480175

M5: X: 460152 - Y: 1479847 M6: X: 458698 - Y: 1481928

M7: X: 457471 - Y: 1483228

Diện tích quy hoạch phát triển chăn nuôi: 48 Ha, tại một phần khoảnh 1, 2 tiểu khu 2, cụ thể với các mốc tọa độ VN2000 như sau:

H1: X: 457767 - Y: 1483064 H2: X: 458199 - Y: 1483321

H3: X: 458830 - Y: 1482616 H4: X: 458431 - Y: 1482326

(Có sơ đồ vị trí, diện tích, tọa độ kèm theo)

Để tạo sự phù hợp, thống nhất đồng bộ với quy hoạch tổng thể và kế hoạch sử dụng đất của địa phương nay Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng kính mong UBND huyện và các phòng ban điều chỉnh và bổ sung thêm vào quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của địa phương giai đoạn 2021-2030 để tạo điều kiện cho công ty chúng tôi phát triển dự án.

Kính đề nghị quý cấp xem xét giải quyết./.

CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG

Nơi nhận:

- UBND Huyện;
- Phòng TNMT;
- Lưu VT



GIÁM ĐỐC
Phan Thị Linh

Số: 698/TB-TTHĐT

Ea H'Leo, ngày 11 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết luận của Tổ Thu hút đầu tư số 2628 về cho ý kiến đối với một số dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện đến hết 25/10/2021

Ngày 28/10/2021, Tổ Thu hút đầu tư số 2628 tổ chức cuộc họp để cho ý kiến đối với một số dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện đến 25/10/2021. Tham dự cuộc họp, gồm: Ông Phạm Văn Khôi - Phó Chủ tịch UBND huyện, Tổ trưởng Tổ Thu hút đầu tư số 2628 chủ trì cuộc họp và các thành viên Tổ TTHĐT, các cơ quan, đơn vị liên quan.

Sau khi triển khai nội dung cuộc họp, nghe Phòng Tài chính – Kế hoạch thông qua danh mục và nội dung cơ bản của các dự án; ý kiến thảo luận của các Thành viên Tổ Thu hút đầu tư. Ông Phạm Văn Khôi - Phó Chủ tịch UBND huyện, Tổ trưởng Tổ TTHĐT huyện thống nhất kết luận như sau:

1. Đối với các dự án đã tham mưu UBND huyện có văn bản ý kiến theo quy định, gồm 18/27 dự án, giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục theo dõi để tổng hợp.

2. Đối với quỹ đất để thực hiện kêu gọi đầu tư dự án Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung huyện:

- Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp: Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Ea Drăng và các đơn vị liên quan: Tham mưu đề xuất đưa vào kêu gọi đầu tư nội dung khác đối với quỹ đất đã thu hồi, GPMB để quy hoạch Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung huyện nhưng theo quy định mới hiện nay là không phù hợp.

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ động đưa vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng mục đích khác trong giai đoạn từ năm 2021 trở đi của huyện để có cơ sở tổ chức thực hiện.

- Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp: Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, xem xét, tham mưu đề xuất vị trí để đưa vào quy hoạch và thực hiện kêu gọi đầu tư Dự án Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung của huyện (cấp thiết phải gấp), thời gian thực hiện có văn bản trả lời về Tổ TTHĐT huyện để xem xét: Trước ngày 30/11/2021.

3. Đối với các đề xuất đầu tư các dự án còn lại, thống nhất xem xét xử lý và giao các Phòng chuyên môn tiếp nhận và chủ trì, tham mưu, cụ thể như sau:

- Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu, xử lý đối với đề xuất các dự án (gồm 03/21 dự án):

+ Dự án Khu liên hiệp nông nghiệp công nghệ cao Tín Thành của Công ty cổ phần tập đoàn Tín Thành: Tổ TTHĐT huyện hoan nghênh đề xuất dự án của nhà đầu

tư, dự án hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn. Tuy nhiên, quy mô dự án như Nhà đầu tư đã đề xuất do chưa phù hợp với quy hoạch của địa phương, đề nghị nhà đầu tư liên hệ Phòng Kinh tế và Hạ tầng để xem xét điều chỉnh quy mô dự án, vị trí cụ thể thửa đất đặt nhà máy để Tổ THĐT huyện xem xét, cho ý kiến.

+ Dự án Lò đốt rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện của Công ty TNHH MTV Hoài Thanh Ea H'Leo: Hiện tại, UBND huyện đã giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, tiếp nhận tài trợ lò đốt rác và triển khai thực hiện dự án. Do đó, Tổ THĐT huyện không cho ý kiến đối với đề xuất dự án và chỉ cập nhật để theo dõi dự án.

+ Dự án Nhà máy sản xuất gạch Block của Công ty TNHH Minh Quân Đắk Lắk:

- Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu, tham mưu Tổ THĐT huyện đối với các đề xuất dự án:

+ Dự án Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

+ Dự án Khảo sát địa điểm đề xuất dự án nông lâm kết hợp chăn nuôi của Công ty CP tập đoàn đầu tư Vạn Lợi Sài Gòn, Dự án Khảo sát địa điểm đầu tư dự án Nông lâm kết hợp chăn nuôi của Công ty CP ĐTXD&PT nông nghiệp Cao Nguyên, Dự án khảo sát địa điểm đầu tư dự án Chăn nuôi, trồng rừng sản xuất, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trồng dược liệu của Công ty TNHH chăn nuôi CNC&PT nông nghiệp Tây Nguyên.

4. Các Thành viên Tổ THĐT huyện, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các nội dung về thu hút, kêu gọi đầu tư của huyện và hướng dẫn các Nhà đầu tư khi có đề xuất dự án đầu tư đề nghị liên hệ Văn phòng HĐND&UBND huyện hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để tham mưu Tổ trưởng Tổ THĐT huyện giao cơ quan chủ trì tham mưu, xử lý, đồng thời gửi nhà đầu tư để nắm bắt.

- Khi nhận được văn bản chỉ đạo của UBND huyện hoặc của Tổ trưởng Tổ THĐT, các thành viên Tổ THĐT huyện được giao nhiệm vụ chủ trì phải tham mưu UBND huyện hoặc Tổ THĐT họp, làm việc với nhà đầu tư, khảo sát và cho ý kiến thống nhất giải quyết đối với từng dự án.

Trên đây là nội dung Kết luận của ông Phạm Văn Khôi – Phó Chủ tịch UBND huyện, Tổ trưởng Tổ THĐT huyện tại cuộc họp ngày 28/10/2021. Yêu cầu các Thành viên Tổ THĐT huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND huyện;
- Thành viên Tổ THĐT 2628;
- Các Phòng ban chuyên môn;
- Lưu: VT, VP.



TỔ THU HÚT ĐẦU TƯ 2628
TỔ TRƯỞNG

Phạm Văn Khôi
Phó Chủ tịch UBND huyện

Phụ lục

Kết quả khảo sát hiện trạng sử dụng đất tại tiểu khu 2, 4; dự kiến kinh phí hỗ trợ, giải toả thu hồi đất của Công ty đề xuất lập dự án đầu tư nông lâm nghiệp công nghệ cao tại xã Ea H'Leo

(Kèm theo Báo cáo số /BC-CTVH ngày tháng 10 năm 2021 của Công ty)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Bao gồm			
				Về đất		Cây trồng (đồng)	Nhà cửa, vật kiến trúc (đồng)
				DT đất nông nghiệp (m ²)	Thành tiền (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	
1	TRẦN VĂN CHANH	Thôn 2A	300.438.780	36.704,0	143.145.600	131.493.180	25.800.000
2	ĐỖ ĐẠI ĐỆ	Thôn 2A	348.726.600	60.884,0	237.447.600	111.279.000	0
3	NGUYỄN MẠNH VŨNG	Thôn 2A	50.055.360	9.068,0	35.365.200	14.690.160	0
4	TRẦN VĂN PHI	Thôn 2A	213.579.840	38.692,0	150.898.800	62.681.040	0
5	TRIỆU VĂN DIỆN	Thôn 2A	34.515.600	5.800,0	22.620.000	11.895.600	0
6	TRỊNH THỊ TUYẾT	Thôn 2A	430.340.400	30.197,0	117.768.300	302.235.000	13.337.100
7	NGUYỄN VĂN HUNG	Thôn 2A	679.015.500	156.767,0	611.391.300	808.200	66.816.000
8	LÊ THỊ LAN	Thôn 2A	117.576.000	21.300,0	83.070.000	34.506.000	0
9	TRƯƠNG QUỐC	Thôn 2A	68.424.000	15.200,0	59.280.000	9.144.000	0
10	NGUYỄN ĐÌNH THÂN	Thôn 2A	283.141.351	34.630,0	135.057.000	104.273.940	43.810.411
11	ĐỖ VĂN HỢP	Thôn 2A	61.713.000	15.250,0	59.475.000	2.238.000	0
12	TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG	Thôn 2A	453.199.741	40.356,0	157.388.400	248.230.740	47.580.601
13	NGUYỄN VĂN BIẾT	Thôn 2A	68.188.440	2.100,0	8.190.000	59.998.440	0
14	TRẦN MINH THẾ	Thôn 2A	79.595.820	15.025,0	58.597.500	20.998.320	0
15	NGUYỄN ĐÌNH LONG	Thôn 2A	77.280.000	14.000,0	54.600.000	22.680.000	0
16	LÊ VĂN SÁNG	Thôn 2A	45.081.900	11.021,0	42.981.900	2.100.000	0
17	VÕ THANH HỘI	Thôn 2A	297.028.140	35.553,0	138.656.700	153.151.440	5.220.000
18	HỒ KHẮC CHÍNH	Thôn 2A	104.265.180	5.320,0	20.748.000	41.757.180	41.760.000
19	TRƯƠNG VĂN THÀNH	Thôn 2A	122.394.540	9.474,0	36.948.600	53.730.540	31.715.400
20	TRỊNH VĂN HIỆP	Thôn 2A	92.951.040	14.721,0	57.411.900	35.539.140	0
21	VŨ MINH SÁNG	Thôn 2A	23.184.000	4.200,0	16.380.000	6.804.000	0
22	NGUYỄN VĂN QUYÊN	Thôn 2A	82.800.000	15.000,0	58.500.000	24.300.000	0
23	BÙI THANH YÊN	Thôn 2A	81.887.100	9.910,0	38.649.000	20.230.800	23.007.300
24	HỨA THỊ BÌNH	Thôn 2A	4.156.560	753,0	2.936.700	1.219.860	0
25	LÊ VĂN LIN	Thôn 2A	250.226.920	88.140,0	343.746.000	287.970.720	28.510.200
26	HUỖNH TÂN HOÀNG	Thôn 2A	78.521.220	12.532,0	48.874.800	18.814.920	10.831.500
27	HÀ CÔNG LÂM	Thôn 2A	203.917.620	9.864,0	38.469.600	160.228.020	5.220.000
28	TRẦN VĂN TIỀN	Thôn 2A	127.241.520	23.051,0	89.898.900	37.342.620	0
29	CHÁ VẦN CHUNG (Cường honda)	Thôn 2A	119.546.640	21.657,0	84.462.300	35.084.340	0
30	NGUYỄN THIÊN CHIỀU	Thôn 2A	79.603.920	14.421,0	56.241.900	23.362.020	0

31	LÊ THỊ TUYẾT	Thôn 2A	576.326.520	77.295,0	301.450.500	252.508.320	22.367.700
32	LÊ HÙNG DŨNG	Thôn 2A	323.802.860	83.206,0	324.503.400	47.192.760	22.106.700
33	NGUYỄN VĂN THẮNG	Thôn 2A	277.445.670	14.984,0	58.437.600	151.512.120	67.495.950
34	LÊ VĂN THÁI	Thôn 2A	254.761.606	14.615,0	56.998.500	158.989.140	38.773.966
35	ĐẶNG XUÂN THÀNH	Thôn 2A	402.743.078	28.670,0	111.813.000	284.259.840	6.670.238
36	PHAN THỊ KIM LOAN	Thôn 2A	283.443.720	15.550,0	60.645.000	222.798.720	0
37	HDUNG NIỀ	Thôn 2A	44.312.340	1.400,0	5.460.000	30.586.740	8.265.600
38	VÕ ĐÌNH NGUYỄN	Thôn 2A	298.003.680	13.914,0	54.264.600	235.909.080	7.830.000
39	HỒ NGỌC ĐIỆP	Thôn 2A	328.334.880	41.449,0	161.651.100	142.032.180	24.651.600
40	HUỖNH VĂN NAM	Thôn 2A	293.925.660	24.000,0	93.600.000	178.690.560	21.635.100
41	TRẦN NGỌC TIẾN	Thôn 2A	848.635.320	125.700,0	490.230.000	358.405.320	0
42	NGUYỄN HỒNG SƠN	Thôn 2A	459.311.580	104.699,0	408.326.100	50.985.480	0
43	NGUYỄN HỒNG SƠN	Thôn 2A	443.937.300	104.699,0	408.326.100	15.514.200	20.097.000
44	ĐỖ VIỆT TÌNH	Thôn 2A	6.509.700	14.631,0	57.060.900	9.448.800	0
45	VŨ PHÚ LŨNG	Thôn 2A	383.708.400	23.023,0	89.789.700	274.255.500	19.663.200
46	LÝ VĂN TỬ	Thôn 2A	19.263.960	2.703,0	10.541.700	4.285.260	4.437.000
47	TRẦN MINH QUANG	Thôn 2A	338.203.968	20.542,0	80.113.800	101.191.980	56.898.188
48	NGUYỄN THỊ SẢN	Thôn 2A	1.083.513.899	230.790,0	900.081.000	55.942.080	127.490.819
49	NGUYỄN THỊ SẢN	Thôn 2A	73.000.000	20.000,0	78.000.000	0	0
50	PHẠM QUỐC NAM	Thôn 2A	144.834.600	33.336,0	130.010.400	469.200	14.355.000
51	TRƯƠNG VĂN VINH	Thôn 2A	274.259.648	26.192,0	102.148.800	142.378.560	29.732.288
52	MAN ĐỨC HẠNH	Thôn 2A	357.842.625	17.330,0	67.587.000	211.444.260	78.811.365
53	VÕ ĐÌNH NGƯ	Thôn 2A	285.312.000	14.050,0	54.795.000	199.327.500	31.189.500
54	NGUYỄN ĐÌNH TÂN	Thôn 2A	103.482.300	10.012,0	39.046.800	64.435.500	0
55	NGUYỄN NGỌC HUÂN	Thôn 2A	55.311.600	5.400,0	21.060.000	23.020.500	11.231.100
56	BÙI ĐỨC PHƯỢNG	Thôn 2A	40.027.200	8.162,0	31.831.800	0	8.195.400
57	TRƯƠNG ĐÌNH KHOA	Thôn 2A	670.663.440	121.497,0	473.838.300	196.825.140	0
58	NGUYỄN ĐÌNH MINH	Thôn 2A	63.026.160	7.700,0	30.030.000	32.996.160	0
59	NGUYỄN ĐÌNH BA	Thôn 2A	260.081.160	26.551,0	103.548.900	128.269.560	28.262.700
60	NGUYỄN VĂN TUẤN	Thôn 2A	224.365.920	40.646,0	158.519.400	65.846.520	0
61	NGUYỄN ĐÌNH BA	Thôn 2A	207.687.600	26.551,0	103.548.900	75.876.000	28.262.700
62	NGUYỄN VĂN TUẤN	Thôn 2A	224.365.920	40.646,0	158.519.400	65.846.520	0
63	TRƯƠNG VĂN LỚN	Thôn 2A	40.380.120	6.606,0	25.763.400	10.701.720	3.915.000
64	HỒ TUYẾN	Thôn 2B	37.205.020	5.015,0	19.558.500	58.295.220	9.351.300
65	TRẦN XUÂN ĐIỆP	Thôn 2B	43.639.920	5.542,0	21.613.800	18.111.120	3.915.000
66	NGÔ THỊ HOAN	Thôn 2B	201.446.880	36.494,0	142.326.600	59.120.280	0
67	BÙI HỮU TÙNG	Thôn 2B	22.284.720	4.820,0	18.798.000	3.486.720	0
68	CHÂU VĂN ĐÔNG	Thôn 2B	418.415.640	101.390,0	395.421.000	183.240	22.811.400
69	NGUYỄN CÔNG TÙNG	Thôn 2B	127.037.280	23.014,0	89.754.600	37.282.680	0

70	LÊ HỮU LỜI	Thôn 2B	245.775.960	62.066,0	242.057.400	3.718.560	0
71	VÔ NHƯ THƯƠNG	Thôn 2B	260.444.700	11.520,0	44.928.000	118.083.000	37.433.700
72	TRẦN THỊ THẢO	Thôn 2B	68.210.700	17.669,0	68.987.100	57.038.400	62.185.200
73	VÔ THÀNH VŨ	Thôn 2B	120.573.360	21.843,0	85.187.700	35.385.660	0
74	LÊ MẠNH LỰC	Thôn 2B	361.034.700	90.541,0	353.109.900	7.924.800	0
75	ĐẶNG VĂN HƯỞNG	Thôn 2B	34.930.560	6.328,0	24.679.200	10.251.360	0
76	PHẠM THẾ TÀI	Thôn 3	28.774.200	7.378,0	28.774.200	0	0
77	TRẦN THỊ NGÂN	Thôn 3	189.780.893	10.005,0	39.019.500	139.834.380	10.927.013
78	TRẦN VĂN HÙNG	Thôn 3	217.432.208	19.446,0	75.839.400	110.246.280	31.346.528
79	TRẦN THOẠI	Thôn 1	284.520	50,0	195.000	89.520	0
80	LƯƠNG THỊ LOAN	Thôn 1	931.245.900	204.166,0	796.247.400	134.998.500	0
81	HOÀNG VĂN QUẾ	Thôn 1	101.010.000	25.900,0	101.010.000	0	0
82	VŨ SỸ DŨNG	Thôn 1	13.439.020	28.269,0	110.249.100	32.645.520	10.544.400
83	DƯƠNG THỊ QUẢ	Thôn 1	77.869.140	10.000,0	39.000.000	10.533.240	28.335.900
84	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	Thôn 4	42.536.160	7.233,0	28.208.700	11.717.460	2.610.000
85	PHẠM VĂN KHÁNH	Thôn 6	110.798.738	13.684,0	53.367.600	43.188.300	14.242.838
86	PHẠM VĂN KHÁNH	Thôn 6	37.443.900	9.601,0	37.443.900	0	0
87	PHẠM VĂN MẠNH	Thôn 5	50.830.400	11.020,0	42.978.000	17.852.400	0
88	ĐẶNG THANH MINH + PHẠM VĂN HOAN	Thôn 8	11.086.200	5.770,0	22.503.000	0	18.583.200
89	ĐẶNG THANH MINH	Thôn 8	360.989.220	51.626,0	201.341.400	74.274.000	85.373.820
90	CAM VĂN CHIẾN	Thôn 8	38.115.000	9.544,0	37.221.600	0	893.400
91	PHẠM VĂN HOAN	Thôn 7	332.856.600	60.000,0	234.000.000	97.200.000	1.656.600
92	LÊ VĂN THANH	Thôn 7	74.258.640	6.600,0	25.740.000	48.518.640	0
93	ĐẶNG CÔNG NHÂN	Thôn 7	1.035.899.400	32.030,0	124.917.000	908.372.400	2.610.000
94	ĐỒNG XUÂN QUANG	Thôn 7	130.090.200	19.116,0	74.552.400	39.538.500	15.999.300
95	TRƯƠNG THANH LOAN	Thôn 9	448.685.820	22.100,0	86.190.000	336.395.820	26.100.000
96	TRẦN PHƯỚC	Thôn 9	223.074.090	26.885,0	104.851.500	61.281.360	56.941.230
97	LẠI VĂN BIÊN	Thôn 9	55.950.000	11.000,0	42.900.000	0	13.050.000
98	RCHÂM SAM	Buôn Dang	319.771.620	73.569,0	286.919.100	10.093.320	22.759.200
99	RMA KLA	Buôn Dang	109.930.440	26.592,0	103.708.800	6.221.640	0
100	AMA LƯỚI	Buôn Dang	134.588.640	24.382,0	95.089.800	39.498.840	0
101	MLÔ Y DUNA	Buôn Dang	63.726.000	16.340,0	63.726.000	0	0
102	AMA CAM	Buôn Dang	49.869.300	12.787,0	49.869.300	0	0
103	NAY Y BREH	Buôn Dang	130.053.300	33.347,0	130.053.300	0	0
104	KPĂ Y SET	Buôn Dang	65.826.000	11.925,0	46.507.500	19.318.500	0
105	NAY H MŨC	Buôn Dang	130.053.300	33.347,0	130.053.300	0	0
106	Y A MA HOANH	Buôn Dang	47.162.880	8.544,0	33.321.600	13.841.280	0
107	RCHÂM BAY	Buôn Dang	53.543.100	13.729,0	53.543.100	0	0
108	KSOR MA ĐÔ	Buôn Dang	17.112.000	3.100,0	12.090.000	5.022.000	0
109	RCHÂM MA LY	Buôn Dang	56.028.000	10.150,0	39.585.000	16.443.000	0
110	KSOR Y AYÔK	Buôn Dang	121.716.000	22.050,0	85.995.000	35.721.000	0
111	MA CHA CHUM	Buôn Dang	96.025.800	15.606,0	60.863.400	35.162.400	0
112	Y REH	Buôn Dang	121.776.720	22.061,0	86.037.900	35.738.820	0

113	MA LAI	Buôn Săm A	24.960.000	6.400,0	24.960.000	0	0
114	NAY Y NHA	Buôn Săm A	47.665.800	12.222,0	47.665.800	0	0
115	AMA TRAM	Buôn Săm B	53.706.640	29.657,0	115.662.300	48.044.340	0
116	MLÔ Y TAM	Buôn Săm B	112.242.000	28.780,0	112.242.000	0	0
117	MA HVOER	Buôn Săm B	43.590.300	11.177,0	43.590.300	0	0
118	KSOR Y DJHUI	Buôn Treng	26.400.000	4.000,0	15.600.000	10.800.000	0
119	NAY Y HIÊM	Buôn Treng	39.600.000	6.000,0	23.400.000	16.200.000	0
120	RCAM Y BÁP	Buôn Treng	9.151.560	1.850,0	7.215.000	1.936.560	0
121	BÓN QUYÊN	Thôn 2A	58.500.000	15.000,0	58.500.000	0	0
122AN	Gia lai	213.818.100	50.639,0	197.492.100	16.326.000	0
Tổng Cộng			4.117.688,3 55	3.589.078	13.997.404,2	8.616.667,5	1.503.616,6 5

Số: 171 /NNNT-CN

Ea H'Leo, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Về việc xem xét, đề xuất dự án đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo tại Tiểu khu 2, 4 xã Ea H'Leo của Công ty TNHH DV TM Việt Hoàng.

Kính gửi:

- Phòng Tài Nguyên và Môi Trường;
- UBND xã Ea H'Leo;
- Công ty TNHH dịch vụ thương mại Việt Hoàng.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Báo cáo số 10/BC-CTVH ngày 06/10/2021 về kết quả khảo sát vị trí đất đề xuất lập dự án đầu tư nông lâm nghiệp công nghệ cao tại Tiểu khu 2, 4 xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ có liên quan khác.

Qua nghiên cứu Báo cáo và văn bản đề nghị thực hiện dự án của Công ty. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện đề nghị Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện, UBND xã Ea H'Leo cho ý kiến bằng văn bản về những nội dung sau:

1. Phòng Tài Nguyên và Môi trường

- + Căn cứ địa điểm đề xuất đầu tư của Công ty, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện.
- + Đề xuất định hướng điều chỉnh bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đối với vị trí đề xuất đầu tư của Công ty (nếu đủ điều kiện).
- + Trong trường hợp dự kiến thực hiện dự án đầu tư không có quy hoạch hoặc không thuộc quy hoạch, đề nghị đơn vị có ý kiến về định hướng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đối với vị trí thực hiện dự án.
- + Địa điểm, diện tích dự án có sự chồng lấn hay không; nếu có thì nêu rõ diện tích chồng lấn lên, các dự án nào? và đã được UBND huyện có văn bản thỏa thuận vị trí, địa điểm để đầu tư dự án.
- + Đánh giá khả năng ảnh hưởng đến môi trường và mức độ ảnh hưởng của dự án đối với cộng đồng dân cư trước mắt cũng như lâu dài.
- + Quan điểm của đơn vị (thống nhất hay không thống nhất) về việc Công ty TNHH dịch vụ thương mại Việt Hoàng thực hiện dự án đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo tại Khoản 01, 02, 07 Tiểu khu 2 và Khoản 02, 05 Tiểu khu 4 xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo và các vấn đề liên quan khác (nếu có).

2. UBND xã Ea H'Leo

+ Đánh giá về nội dung dự án và sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương. Trong trường hợp dự kiến thực hiện dự án đầu tư không có quy hoạch hoặc không thuộc quy hoạch, đề nghị đơn vị có ý kiến về định hướng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đối với vị trí thực hiện dự án.

+ Đánh giá về địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng nguồn gốc sử dụng đất và công tác giải phóng mặt bằng địa điểm dự kiến dự án đầu tư, có sự chồng lấn với diện tích của dự án khác hay không? Tại mục 2 Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 09/4/2021 của UBND xã có nêu đất năng lượng 18,85 ha hiện tại do ai quản lý, hay diện tích này quy hoạch đất năng lượng của các dự án khác đã được quy hoạch? Nếu có thì tại văn bản nào hoặc đã không còn quy hoạch nêu cụ thể.

+ Đánh giá sơ bộ về khả năng ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và mức độ ảnh hưởng của dự án đối với cộng đồng dân cư trước mắt cũng như lâu dài.

+ Quan điểm của xã (*thống nhất hay không thống nhất*) về việc Công ty TNHH dịch vụ thương mại Việt Hoàng thực hiện dự án đầu tư trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo tại Khoảnh 01, 02, 07 Tiểu khu 2 và Khoảnh 02, 05 Tiểu khu 4 xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo và các vấn đề liên quan khác (*nếu có*).

3. Công ty TNHH dịch vụ thương mại Việt Hoàng

3.1. Theo Hồ sơ đề nghị của Công ty đây là dự án trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp với trang trại chăn nuôi heo tại Khoảnh 01, 02, 07 Tiểu khu 2 và Khoảnh 02, 05 Tiểu khu 4 xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo.

Quy mô dự án 365,76 ha cụ thể:

- Trồng rừng sản xuất: 160 ha
- Khoảnh nuôi bảo vệ rừng: 80 ha
- Trồng cây ăn trái: 70,76 ha
- Diện tích làm đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng: 07 ha
- Trại nuôi heo: 48 ha.

3.2. Đề nghị Công ty điều chỉnh, bổ sung các nội dung sau:

* Căn cứ Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp quy định như sau “*Chủ rừng sử dụng tối đa 30% diện tích đất được giao, được thuê nhưng chưa có rừng để đầu tư phục vụ du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp, trong đó có diện tích đất dành cho xây dựng hạ tầng (đường giao thông, công trình kiên cố, nhà máy) tối đa*

là 20%. Do đó, 30% trong tổng diện tích thực hiện dự án sau khi trừ đi diện tích đất có chồi tái sinh 20,8 ha còn lại 344,96 ha thì diện tích tương ứng 103,5 ha để thực hiện các hạng mục: Trồng cây ăn trái, làm đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng, xây dựng trại nuôi heo. Tuy nhiên, các hạng mục đề xuất của Công ty đề xuất 125,75 ha (Gồm: diện tích trồng cây ăn trái, diện tích làm đường băng cản lửa và cơ sở hạ tầng, xây dựng trại nuôi heo) vượt so với quy định 22,25 ha. Do đó, đề nghị công ty điều chỉnh các hạng mục đề xuất đầu tư theo quy định Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

* Làm rõ vị trí, ranh giới trên bản đồ đề xuất quy hoạch sử dụng đất những hạng mục sau: Diện tích 20,8 ha đất có chồi tái sinh; diện tích 18,85 ha đất năng lượng; diện tích đất người dân đang sâm canh, lấn chiếm sản xuất trong dự án; trồng rừng, và trồng cây ăn trái là những loại cây lâm nghiệp, nông nghiệp nào? Quy mô diện tích, cách thức trồng.

* Trại nuôi heo và khu xử lý chất thải bố trí vị trí, địa điểm nào? Cách khu dân cư, trường học, sông suối bao nhiêu mét?

* Hiện trạng các hộ sâm canh, lấn chiếm tại vị trí đất Công ty đề xuất dự án theo phụ lục tại Báo cáo số 10 của Công ty, tổng số hộ 122, tổng diện tích các hộ, sâm canh lấn chiếm: 358,9 ha/365,76 ha. Trong đó: Diện tích đất có chồi tái sinh: 20,78 ha và đất năng lượng 18,85 ha. Đề nghị Công ty phối hợp với UBND xã xác định rõ nguồn gốc đất có chồi tái sinh và đất năng lượng hiện tại các hộ dân sâm canh, lấn chiếm hay do xã đang quản lý để biết, báo cáo.

Văn bản cho ý kiến gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày **19/10/2021** để tổng hợp, tham mưu UBND huyện theo quy định.

Nhận được Công văn này, đề nghị Trưởng phòng Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Ea H'Leo và Công ty TNHH dịch vụ thương mại Việt Hoàng quan tâm, cho ý kiến theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND huyện; (thay b/c)
- Tổ kêu gọi THDT huyện; (thay b/c)
- Lưu: NNNT.

TRƯỞNG PHÒNG



Bùi Công Lăng

Ký bởi: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan: Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk
Ngày ký: 14-10-2021 11:11:27 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ EA H'LEO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09 /CV-UBND
V/v cung cấp bổ sung thông tin
tên gọi đối với vị trí đất hiện nay
Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

Ea H'Leo, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

Vừa qua Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng xin chủ trương khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại Tiểu khu 02,4 xã Ea H'Leo.

Vị trí khảo sát này thuộc các khoảnh 01,02,07 tiểu khu 02 và các khoảnh 02, 05 tiểu khu 04 thuộc diện tích 1.304 ha đất lâm nghiệp trước đây do Cộng đồng Buôn đang xã Ea H'Leo đang quản lý, bảo vệ sau đó UBND huyện đã thu hồi toàn bộ diện tích này tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 tạm giao cho UBND xã Ea H'Leo quản lý, bảo vệ và lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Trên đây là nội dung góp ý bổ sung đối với vị trí đất hiện nay Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng đang khảo sát. Kính chuyển quý cơ quan xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân xã
Ea H'Leo
Cơ quan: Huyện Ea H'Leo,
Tỉnh Đắk Lắk
Ngày ký: 21-01-2022
16:40:05 +07:00

Mai Văn Thắng

V/v Công ty TNHH DVTM
Việt Hoàng xin khảo sát chi tiết,
lập đề xuất dự án tại huyện Ea H'leo.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 5515/UBND-TH ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh về việc tham mưu xử lý các nội dung liên quan đến đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1172/SKHĐT-XTĐT ngày 20/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề xuất lập dự án đầu tư trong lĩnh vực nông lâm nghiệp tại huyện Ea H'leo và huyện Ea Súp; Công văn số 5555/CV-VH ngày 15/5/2021 của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng về việc xin khảo sát; Hồ sơ đề xuất thực hiện đầu tư dự án nông lâm kết hợp trang trại chăn nuôi Heo công nghệ cao của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng tại tiểu khu 2, 4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo.

Ngày 13/7/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 2098/SNN-CCKL đề nghị Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng làm việc với UBND huyện Ea H'leo, UBND xã Ea H'leo để kiểm tra rà soát, có ý kiến bằng văn bản thỏa thuận, thống nhất về vị trí, quỹ đất xin khảo sát đề xuất dự án, đồng thời đề nghị Công ty cung cấp, bổ sung hồ sơ pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng đã thực hiện các văn bản nêu trên và có Báo cáo số 11/BC-CTVH ngày 27/12/2021 về kết quả khảo sát vị trí đất Công ty đề xuất đầu tư dự án nông lâm kết hợp trang trại chăn nuôi Heo công nghệ cao tại tiểu khu 2, 4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk; kèm theo các hồ sơ pháp lý liên quan gửi Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo như sau:

1. Về vị trí, quỹ đất Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng xin khảo sát, lập dự án: UBND huyện Ea H'leo đã có Công văn số 1082/UBND-THĐT ngày 15/6/2021 về việc đề nghị xem xét cho chủ trương Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng khảo sát địa điểm đầu tư dự án nông lâm nghiệp công nghệ cao tại tiểu khu 2, 4 xã Ea H'leo; UBND xã Ea H'leo có Công văn số 09/CV-UBND ngày 21/01/2022 về việc cung cấp bổ sung thông tin, tên gọi đối với vị trí Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng xin khảo sát dự án. Theo đó diện tích Công ty đề xuất khảo sát là 346,9ha tại các khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo.

Khu vực đất này trước đây thuộc diện tích 1.304ha đất lâm nghiệp do cộng đồng Buôn Dang quản lý, UBND huyện Ea H'leo đã thu hồi theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 17/3/2011, tạm giao cho UBND xã Ea H'leo quản lý và lập phương án sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 1425 /UBND-NNMT

V/v khảo sát, lập đề xuất dự án của
Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ea H'leo;
- Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng.

(Đ/c: Số 484/1 Trần Phú, phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

UBND tỉnh nhận được Công văn số 336/SNN-CCKL ngày 09/02/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng xin khảo sát chi tiết, lập đề xuất dự án tại huyện Ea H'leo, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương khảo sát, đánh giá cụ thể chi tiết hiện trạng rừng và đất đai, làm cơ sở xây dựng đề xuất đầu tư dự án nông lâm kết hợp trang trại chăn nuôi Heo công nghệ cao trên diện tích khoảng 346,9ha tại các khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo như đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản nêu trên, cụ thể:

- Thời hạn khảo sát: 06 tháng, kể từ ngày Văn bản này có hiệu lực.
- Về kinh phí thực hiện khảo sát: Do Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng tự chi trả.

2. Yêu cầu Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng:

- Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương khảo sát, Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan và khảo sát trên diện tích khoảng 346,9ha tại các khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4 xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo. Quá thời hạn nêu trên mà Công ty không báo cáo hoặc báo cáo không đạt yêu cầu thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, chấm dứt chủ trương khảo sát theo quy định.

- Chủ trương khảo sát chỉ là cơ sở để Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng tiến hành các thủ tục tiếp theo liên quan đến việc khảo sát, thu thập thông tin, không phải là chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư. Do đó, Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng không được sử dụng văn bản chấp thuận chủ trương khảo sát này để giao dịch với mục đích chuyển nhượng hoặc các giao dịch khác trái quy định pháp luật.

- Trong quá trình triển khai khảo sát, Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để triển

BẢN SAO

Số REF... 61.22... B2.9.17.1... ..

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 03 năm 2022.

THƯ CAM KẾT CẤP TÍN DỤNG

Số: ... 3.19.../BIDV.BM-KHDN

Kính gửi: **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐẮK LẮK**

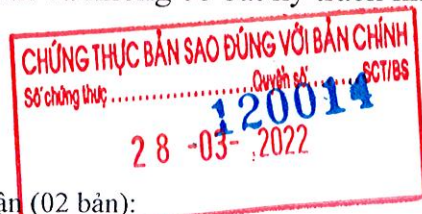
Địa chỉ: Số 17 Lê Duẩn, phường Tự An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Theo đề nghị phát hành Thư cam kết cấp tín dụng của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001714664 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/02/2021, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê có trụ sở tại số 41 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đồng ý cấp cho Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng Thư cam kết cấp tín dụng này với cam kết như sau:

Ngân hàng chúng tôi sẽ đồng ý cho Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng vay vốn với số tiền tối đa là **101,500,000,000 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ năm trăm triệu đồng)** để Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng thực hiện dự án: “Trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng kết hợp trang trại chăn nuôi heo tại xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo. Địa điểm thực hiện: tại xã Ea Hleo, huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk” nếu tại thời điểm cấp tín dụng Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cấp tín dụng và bảo đảm tiền vay theo quy định của BIDV, quy định của pháp luật.

Cam kết tín dụng này là cam kết có điều kiện, có thể hủy ngang, không có giá trị đòi tiền, không có giá trị chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố dưới bất kỳ hình thức nào. Thư cam kết tín dụng chỉ có giá trị đối với Dự án nêu trên, không có giá trị đối với Dự án khác.

Mọi vấn đề pháp lý, trách nhiệm phát sinh liên quan trong quá trình bổ sung hồ sơ xin cấp phép thực hiện Dự án sẽ do Công ty chịu trách nhiệm giải quyết, BIDV không liên quan và không có bất kỳ trách nhiệm nào.



Nơi nhận (02 bản):

- Như trên;
- Lưu: KHDN, QTTD.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Kim Phượng

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp

Thực hiện Công văn số 1425/UBND-NNMT ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc khảo sát, lập đề xuất dự án của Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng; Giấy mời số 32/GM-SNN ngày 14/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp do Công ty TNHH Quang Lâm Phát thực hiện.

Vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 22/3/2022, tại khu vực điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo. Đoàn phúc tra gồm:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bà : Lê Thị Ánh Tuyết - NV phòng SD và PTR, Chi cục Kiểm lâm;
- Bà: Trần Thị Thuận - NV phòng SD và PTR, Chi cục Kiểm lâm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bà: Trương Thị Hoàng Lan - CV phòng QLDD.

3. UBND huyện Ea H'leo.

- Ông: Lê Ngọc Hùng - Phó Chủ tịch;
- Ông: Bùi Công Lăng - Trưởng phòng NN và PTNT.

4. Hạt Kiểm lâm Ea H'leo – Krông Búk.

Ông: Lê Thanh Khánh - Hạt trưởng.

5. Đại diện UBND xã Ea H'leo.

- Ông: Mai Văn Thắng - Chủ tịch;
- Ông: Trần Tấn Hậu - Cán bộ địa chính xã.

6. Đại diện Công ty TNHH dịch vụ thương mại Việt Hoàng.

Bà: Phan Thị Linh - Giám đốc.

7. Đại diện Công ty TNHH Quang Lâm Phát.

- Ông: Nguyễn Đình Sơn - Giám đốc;
- Ông: Y Hội Êban - Chủ nhiệm công trình.

Nội dung:

1. Kết quả thực hiện của đơn vị tư vấn

Theo Hồ sơ báo cáo về kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp do Công ty TNHH Quang Lâm Phát thực hiện thì khu vực điều tra có tổng diện tích là 344,11 ha tại các khoảnh 1, 2, 7 tiểu khu 2 và khoảnh 2, 5 tiểu khu 4, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo quản lý.

a. Về hiện trạng các loại đất, loại rừng:

Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích điều tra		344,11	100,00%
I	Đất có rừng		26,46	7,69%
1	Rừng tự nhiên		16,60	4,82%
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt	RLK	4,46	1,30%
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng	RLP	12,14	3,53%
2	Rừng trồng		9,86	2,87%
-	Rừng trồng gỗ	RTG	9,86	2,87%
II	Đất chưa có rừng		316,57	92,00%
-	Diện tích có cây nông nghiệp	DNN	200,73	58,33%
-	Diện tích khác	DT1	13,25	3,85%
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	DT2	19,40	5,64%
-	Đất trồng nhưng chưa thành rừng	DTR	83,19	24,18%
III	Đất khác		1,08	0,31%
-	Diện tích có mặt nước	MN	1,08	0,31%

Đối chiếu, so sánh kết quả điều tra với kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2021

Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Diện tích điều tra năm 2022 (ha)	Diện tích năm 2022 không so sánh (ha)*	Diện tích có so sánh		
					Diện tích năm 2022 (ha)	Diện tích năm 2021 (ha)	Chênh lệch (ha)
	Tổng diện tích điều tra		344,11	151,41	192,70	192,70	(0,00)
I	Đất có rừng		26,46	11,23	15,23	52,71	(37,48)
1	Rừng tự nhiên		16,60	10,69	5,91	5,80	0,11
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo	RLN	-	-	-	0,88	(0,88)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt	RLK	4,46	4,46	-	4,92	(4,92)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá CCTL	RLP	12,14	6,23	5,91	-	5,91
2	Rừng trồng		9,86	0,54	9,32	46,91	(37,59)
-	Rừng trồng gỗ	RTG	9,86	0,54	9,32	46,91	(37,59)
II	Đất chưa có rừng		316,57	139,60	176,97	138,73	38,24
-	Diện tích có cây nông nghiệp	DNN	200,73	103,48	97,25	89,97	7,28
-	Diện tích khác	DT1	13,25	2,59	10,66	38,84	(28,18)
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	DT2	19,40	6,92	12,48	9,92	2,56
-	Đất trồng nhưng chưa thành rừng	DTR	83,19	26,61	56,58	-	56,58
III	Đất khác		1,08	0,58	0,50	1,26	(0,76)
-	Diện tích có mặt nước	MN	1,08	0,58	0,50	-	0,50
-	Đất khác	DKH	-	-	-	1,26	(1,26)

* Diện tích không so sánh: là phần diện tích không thuộc ranh giới lâm nghiệp trên hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp.

Biên bản được kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày, đã được thông qua các thành viên tham gia cùng nghe, thống nhất ký tên./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Lucy

Lê Thị Ánh Tuyết

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ

MÔI TRƯỜNG

Các chị em
về làm học Sở TNMT
không có ý kiến

Ulanh

Trương Thị Hoàng Lan

HKL EA H'LEO K'ONG BUK



Lê Thanh Khánh

D/D CT TNHH DVTM

VIỆT HOÀNG



Phan Thị Linh

Thuan

Trần Thị Thuận

UBND HUYỆN EA H'LEO

K'CHỦ TỊCH

Đ'CHỦ TỊCH



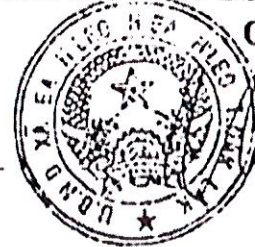
Bùi Công Lăng

Lê Ngọc Hùng

D/D UBND XÃ EA H'LEO

CHỦ TỊCH

Tran



Trần Tấn Hậu

Mai Văn Thắng

D/D CÔNG TY TNHH

QUANG LÂM PHÁT

Ha



Y Hội Êban

Nguyễn Đình Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014 TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

[01] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

[02] Mã số thuế: 6001714664

[03] Địa chỉ: 484/1 Trần Phú, Phường
Thành Nhất

[04] Quận/Huyện: Tp Buôn Ma
Thuột

[05] Tỉnh/Thành phố: Tỉnh
Đắk Lắk

[06] Điện thoại: 0903518018

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: []

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.225.100.000	0
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		1.217.479.538	0
1. Tiền	111		1.217.479.538	0
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		9.000.000.000	0
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		0	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		9.000.000.000	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		0	0
1. Hàng tồn kho	141		0	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		7.620.462	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.620.462	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		19.774.900.000	0
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0



2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220	0	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	0	0
- Nguyên giá	222	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	0	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	0	0
- Nguyên giá	225	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	0	0
- Nguyên giá	228	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230	0	0
- Nguyên giá	231	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	19.774.900.000	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	19.774.900.000	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250	0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260	0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	30.000.000.000	0
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300	0	0
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310	0	0
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	0	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	0	0
4. Phải trả người lao động	314	0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330	0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	30.000.000.000	0
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410	30.000.000.000	0
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	30.000.000.000	0
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	30.000.000.000	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	0	0
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	0	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0
1. Nguồn kinh phí	431	0	0



2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	30.000.000.000	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:



Phan Thị Linh

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG.



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
– DN

(Ban hành
theo Thông
tư số

200/2014/TT-

BTC Ngày

22/12/2014

của Bộ Tài

chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

[03] Mã số thuế: 6001714664

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		0	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		0	0
4. Giá vốn hàng bán	11		0	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		0	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		0	0
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		0	0
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		0	0
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		0	0
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Cấp, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Thị Linh

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG.



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH DVTM Việt Hoàng

[03] Mã số thuế: 6001714664

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		538	0
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		0	0
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		0	0
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.007.621.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.007.620.462)	0
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.774.900.000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.774.900.000)	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		30.000.000.000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.000.000.000	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.217.479.538	0
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		0	0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1.217.479.538	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH DVTM VIỆT HOÀNG.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn: vốn góp
2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng
3. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: do tình hình dịch Covid nên các dự án của công ty chưa triển khai
6. Cấu trúc doanh nghiệp:

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm Bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các

IV. Các chính sách kế toán áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam .
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:
6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:
7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân cuối kỳ
8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính; bất động sản đầu tư:
9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:
10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:
11. Nguyên
12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:
13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:
14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:
15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:
16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:
17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:
18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi:
19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:
22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:
23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:
24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:
26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	1.217.051.000	
- Tiền gửi ngân hàng	428.538	
- Tiền đang chuyển		
Cộng	1.217.479.538	

02. Các khoản đầu tư tài chính

03. Phải thu của khách hàng

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		



- Các khoản phải thu khách hàng khác		
b) Phải thu của khách hàng dài hạn (tương tự ngắn hạn)		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)		

04. Phải thu khác

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ				
- Cho mượn;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.				
b) Dài hạn				
- Phải thu người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ				
- Cho mượn;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.				
Cộng				

05. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền;				
b) Hàng tồn kho;				
c) TSCĐ;				
d) Tài sản khác.				

07. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường				
- Nguyên liệu, vật liệu				
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Thành phẩm				
- Hàng hóa				
- Hàng gửi đi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng				

08. Tài sản dở dang dài hạn

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận	Thiết bị, dụng cụ	Cây lâu năm,	Kết cấu hạ tầng do	Tài sản cố định hữu	Tổng cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm								
- Mua trong năm								
- Đầu tư XD CB hoàn								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm								
- Khấu hao trong năm								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								
Giá trị còn lại								
- Tại ngày đầu năm								
- Tại ngày cuối năm								

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

13. Chi phí trả trước

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;		
- Chi phí đi vay;		
b) Dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm;		
Cộng		

14. Tài sản khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	7.620.462	
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
Cộng		

15. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số không có	Tăng	Giảm	Giá trị	Số không có
a) Vay ngắn hạn						
b) Vay dài hạn						
Cộng						

16. Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Phải trả cho các đối tượng khác				
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn (chi tiết tương tự ngắn hạn)				
Cộng				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Các đối tượng khác				
Cộng				

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Đầu năm	Số phải nộp trong	Số đã thực nộp	Cuối năm
a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng				
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Thuế tài nguyên				
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản				
Cộng				
b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng				
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Thuế tài nguyên				

- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản				
Cộng				

18. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán		
- Các khoản trích trước khác		
b) Dài hạn		
- Lãi vay		
- Các khoản khác (chi tiết từng khoản)		
Cộng		

19. Phải trả khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng		
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng		

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)

20. Doanh thu chưa thực hiện

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
Cộng		
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
Cộng		
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng (chi tiết từng khoản)		

21. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	LNST chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Tổng cộng
----------	------------------------	----------------------	----------------------------------	-------------------------	---------------------------------	-------------------	--------------------------------	--------------------	-----------

Số dư đầu năm trước									
- Tăng vốn trong năm									
- Lãi trong năm trước									
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong									
- Lỗ trong năm trước									
- Giảm khác									
Số dư đầu năm nay									
- Tăng vốn trong năm	30.000.000.000								30.000.000.000
- Lãi trong năm nay									
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong									
- Lỗ trong năm nay									
- Giảm khác									
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000								30.000.000.000

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập		
Cộng		

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
Cộng		

3. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
+ Hạng mục chi phí trích trước		
+ Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục		
+ Thời gian chi phí dự kiến phát sinh.		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BDS đầu tư		
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ		
- Giá trị từng loại hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức trong kỳ		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán		
Cộng		

4. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	538	
- Lãi bán các khoản đầu tư		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá		
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	538	

5. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay		
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
- Chi phí tài chính khác		
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.		
Cộng		

6. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Lãi do đánh giá lại tài sản;		
- Tiền phạt thu được;		
- Thuế được giảm;		
- Các khoản khác.		
Cộng		

7. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Lỗ do đánh giá lại tài sản;		
- Các khoản bị phạt;		
- Các khoản khác.		
Cộng		

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.395.000	
- Các khoản chi phí QLDN khác.		
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.		
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa;		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;		
- Các khoản ghi giảm khác.		

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí nhân công		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí khác bằng tiền		
Cộng		

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:
 - Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:
 - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;

IX- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác;
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
3. Thông tin về các bên liên quan;
4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của
5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước);
6. Thông tin về hoạt động liên tục;
7. Những thông tin khác:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tâm
Võ Thị Thanh Tâm

Lập, Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIAM ĐỐC
Phan Thị Linh

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Năm 2021

Số hiệu tài	Tên tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt			1.235.100.000	18.049.000	1.217.051.000	
112	Tiền gửi Ngân hàng			11.000.538	10.572.000	428.538	
141	Tạm ứng			9.010.000.000	10.000.000	9.000.000.000	
241	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			19.774.900.000		19.774.900.000	
242	Chi phí trả trước			7.620.462		7.620.462	
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu				30.000.000.000		30.000.000.000
515	Doanh thu hoạt động tài chính			538	538		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			2.395.000	2.395.000		
	Cộng			30.041.016.538	30.041.016.538	30.000.000.000	30.000.000.000

Đơn vị tính: VND

Lập, Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Thị Linh

